

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 01 -2021
V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Bền

2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 533/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Trần Văn D, sinh năm: 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện G, tỉnh K.

Bị đơn: chị Huỳnh Thị Ngọc G (Huỳnh Thị Ngọc G1), sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Trần Văn D trình bày: Anh và chị G được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1999, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh K chứng nhận kết hôn vào ngày 24/10/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì mâu thuẫn bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân kể từ khi anh đồng ý cho chị G đi làm ở xa. Thời gian đầu chị G có trở về vài lần nhưng sau đó không trở về nữa và cắt hết mọi thông tin liên lạc, bản thân anh hoàn toàn không biết lý do gì, anh đã cố

công tìm kiếm nhưng không gặp được chị G. Đến tháng 8 năm 2019, trong lúc anh đi làm không có ở nhà thì chị G trở về nhà dẫn con gái Trần Thị Ngọc M ra đi, giữa anh và chị G ly thân nhau từ từ năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy giữa anh và chị G không thể tiếp tục hàn gắn chung sống với nhau vì chị G đã luôn tìm cách trốn tránh nên anh yêu cầu được ly hôn chị G. Về con chung, quá trình chung sống anh và chị G có hai con chung tên Trần Văn S, sinh năm: 2000 và Trần Thị Ngọc M, sinh ngày: 05/12/2008. Hiện cháu S đã trưởng thành, anh không yêu cầu. Riêng cháu M anh tự nguyện giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng nhưng xét theo nguyện vọng của cháu, anh không cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2020, chị Huỳnh Thị Ngọc G xác định trình bày của anh D về kết hôn, con chung là đúng nhưng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh D thiếu trách nhiệm với gia đình nên chị đã bỏ đi làm và ly thân với anh D cho đến nay. Nay anh D yêu cầu ly hôn, chị đồng ý. Về con chung, chị thống nhất con Trần Văn S, sinh năm: 2000 đã trưởng thành. Riêng con Trần Thị Ngọc M, sinh ngày: 05/12/2008 hiện đang sống với chị, anh D yêu cầu giao con cho chị nuôi dưỡng, anh D không cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý vì bản thân đủ điều kiện để nuôi con, chị có thu nhập ổn định. Về tài sản và nợ chung thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn D khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với chị Huỳnh Thị Ngọc G nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và chị Huỳnh Thị Ngọc G có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Huỳnh Thị Ngọc G với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị G nhưng chị có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt chị G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân giữa anh Trần Văn D và chị Huỳnh Thị Ngọc G được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Theo trình bày của anh D và chị G về mâu thuẫn vợ chồng chưa thống nhất. Anh D cho rằng chị G bỏ nhà đi và chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh mà không rõ lý do. Tại bản khai chị G cho rằng anh D thiếu trách nhiệm với gia đình. Mặc dù, anh chị luôn đổ lỗi cho nhau nhưng xét thấy anh chị đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ly thân nhau trong một khoảng thời gian dài mà không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm nên anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Từ đó, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn

vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho anh D được ly hôn chị G

[2.2] Về con chung: anh D và chị G cùng xác định anh, chị có hai con chung tên Trần Văn S, sinh năm: 2000 và Trần Thị Ngọc M, sinh ngày: 05/12/2008. Anh D, chị G cùng thống nhất cháu S đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu M, anh D tự nguyện giao con cho chị G nuôi, anh D không cấp dưỡng. Nhưng do cháu M đã trên 7 tuổi nên xét theo nguyện vọng của cháu. Theo ý kiến của cháu M, thì cháu có nguyện vọng được sống với chị G. Hội đồng xét xử, xử giao cháu Trần Thị Ngọc M, sinh ngày: 05/12/2008 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D có quyền đến thăm nuôi, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, anh D không cấp dưỡng, chị G cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: anh D, chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án phí ly hôn sơ thẩm anh D phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005677 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 14, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần Văn D được ly hôn chị Huỳnh Thị Ngọc G

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ngọc M, sinh ngày: 05/12/2008 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc anh Trần Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số

0005677 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày, anh D được tính kể từ ngày tuyên án (ngày 29/01/2021), chị G được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hương